TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 300/2018/HC-PT Ngày 15 - 8 - 2018 V/v khiếu kiện quyết định hành chính giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý;

Ông Phạm Công Mười.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 544/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2017/HC- ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 320/2018/QĐPT-HC ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị S, sinh năm 1933.

*Đ*ịa chỉ: Số 2/15, khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 2/15, khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô D – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D.

Địa chỉ: Trung tâm hành chính thị xã D, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Văn T – Phó Chủ tịch UBND thị xã D. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị R.

Địa chỉ: Số 35/12, khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 39 tổ 23, khu phố 3, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Bùi Thị S là bà Trần Thị Ch trình bày:

Phần đất đang tranh chấp tổng diện tích 10.308,2m^2 thuộc thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52 (E3.2) (theo bản đồ địa chính năm 1995, thuộc thửa 107, 108, 208, tờ bản đồ E3) có nguồn gốc do ông Trần Văn L và bà Bùi Thị S tự khai phá và sử dụng từ trước năm 1975 vào mục đích sản xuất nông nghiệp là trồng hoa màu, cây cao su và cây tràm. Năm 1985, bà Bùi Thị R có xin sử dụng tạm đất của ông L và bà S khoảng 750m^2 trong tổng diện tích phần đất nêu trên để trồng mướp cải thiện đời sống, hai bên không làm giấy tờ. Năm 1987, ông L chết, bà S cùng các con tiếp tục canh tác trồng cây lâu năm và hoa màu trên phần đất này. Năm 1995, ông Hồ Văn T là chồng bà R chết nên bà R về quản lý phần đất bên gia đình chồng và giao trả lại diện tích 750m^2 đất nêu trên cho gia đình bà S sử dụng.

Năm 2009, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Bình Dương tiến hành thu hồi 1.262,7m^2 đất do thuộc quy hoạch dự án đường cao tốc M. Phần đất thu hồi trên được UBND thị xã D và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã D kiểm kê, áp giá, bồi thường về đất là 808.128.000 đồng. Gia đình bà S đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng để thi công dự án. Năm 2015, bà S tiến hành thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất còn lại của thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52 (E3.2) với diện tích là 9.045,5m^2 thì bà Bùi Thị R nộp đơn tranh chấp quyền sử dụng đất tại UBND phường T2 và UBND thị xã D.

Ngày 31/5/2017, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 2746/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị R với bà Bùi Thị S. Nội dung:

1. Công nhận cho bà Bùi Thị R được quyền sử dụng 1.500m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52 (E3.2) tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D (một phần khu đất có ký hiệu A của Mảnh trích lục địa chính số hiệu TD.DH.52.1453.D.TNMT.2016, tính từ khu mộ trở vào phía Tây Nam của khu đất, tương ứng với diện tích đất bà R trực tiếp quản lý, sử dụng trên thực tế).

2. Công nhận cho bà Bùi Thị S được quyền sử dụng 7.545,5m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52 (E3.2) tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D (một phần khu đất có ký hiệu B và một phần khu đất có ký hiệu A của Mảnh trích lục địa chính số hiệu TD.DH.52.1453.D.TNMT.2016, tính từ khu mộ đến tiếp giáp đường M, tương ứng với diện tích đất bà S trực tiếp quản lý, sử dụng trên thực tế).

Như vậy, Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị R với bà Bùi Thị S là trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà Bùi Thị S.

Từ những cơ sở trên, người khởi kiện bà Bùi Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau: Hủy một phần Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị R với bà Bùi Thị S (đất tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương). Cụ thể: Hủy phần công nhận cho bà Bùi Thị R được quyền sử dụng 1.500m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52 (E3.2) tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D.

Tại bản tự khai của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã D là ông Trần Văn T – Phó Chủ tịch UBND thị xã D trình bày:

Theo hệ thống bản đồ năm 1995, phần đất đang tranh chấp, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 107, 108, 208 tờ bản đồ E3 (nay là thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52 (E3.2)) từ vị trí tiếp giáp đường M đến khu mộ là cây tràm, cao su; khu vực từ mộ trở vào trong là đất trống, cây tạp. Theo quy hoạch sử dụng đất thị xã D giai đoạn 2010 – 2020, trong tổng diện tích 9.045,5m^2 có 7.858,9m^2 đất thuộc quy hoạch đất cơ sở sản xuất kinh doanh và 1.186,6m^2 thuộc quy hoạch đất giao thông.

Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất: Khu đất 9.045,5m^2 có nguồn gốc do ông bà, cha mẹ bà Bùi Thị R và bà S khai phá, sử dụng từ trước năm 1945.

Sau khi cha mẹ chết, bà S và ông L trực tiếp quản lý, canh tác nông nghiệp trên phần lớn khu đất này cho đến thời điểm thực hiện đường M. Khi đường M hoàn thành, bà S trồng cây cao su, tràm trên một phần khu đất giáp đường, phần đất còn lại phía trong khu mộ để trống.

Sau năm 1975, bà R không còn tham gia cách mạng, trở về gia đình đã cùng canh tác chung với bà S trên một phần diện tích khu đất 9.045,5m^2 (một phần phía sau mộ). Thời gian bà R canh tác trên đất là không liền mạch và theo mùa vụ. Trong quá trình canh tác, bà Bùi Thị R chủ yếu trồng mướp để cải thiện đời sống.

Về kê khai đăng ký: Bà R không kê đăng ký đối với khu đất 9.045,5m^2 qua các thời kỳ cho đến thời điểm phát sinh tranh chấp. Còn bà S có cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 0382/ĐKRĐ ngày 09/8/1985 và có tên trong sổ Mục kê tại các thửa 2203, 4192, 4199. Tuy nhiên, qua rà soát hệ thống bản đồ địa chính thành lập theo chỉ thị số 299 của Hội đồng Bộ trưởng thì các thửa đất này không trùng với phần đất 9.045,5m^2. Các thửa 2203, 4192, 4199 trước đây đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 588/GCN-SB ngày 18/10/1991 cho ông Trần Văn L và hiện nay được cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1881QSDĐ/CQ.TB do bà Bùi Thị S đứng tên.

Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị R với bà Bùi Thị S (đất tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương) là đúng quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị R là ông Phạm Văn V trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thị xã D là ông Trần Văn T – Phó Chủ tịch UBND thị xã D và không bổ sung thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2017/HC- ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị R với bà Bùi Thị S (đất tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2017, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, bà Trần Thị Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Ch là đại diện của người khởi kiện bà Bùi Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đưa ra các lập luận đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, tuyên hủy một phần Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Nguồn gốc đất do cha mẹ bà S và bà S khai phá, cả 02 bên đều không đăng ký quyền sử dụng đất. UBND thị xã D đã ra quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà S và bà R là đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ch làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Năm 2015, bà Bùi Thị S có đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.045,5m^2 thuộc thửa đất số 1453, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương thì bà Bùi Thị R có đơn tranh chấp. Ngày 31/5/2017, Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 2746/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp, công nhận cho bà Bùi Thị R được sử dụng 1.500m^2, bà S được quyền sử dụng 7.545,5m^2. Không đồng ý, bà S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2746/QĐ-UBND. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết bác đơn khởi kiện của bà S, giữ nguyên Quyết định số 2746/QĐ-UBND.

[2.2] Trên cơ sở kháng cáo của bà Trần Thị Ch (người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị S), Hội đồng xét xử xét tính hợp pháp của Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D như sau:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND thị xã D ban hành Quyết định số 2746/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà S và bà Rí là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai 2013. Trình tự, thủ tục ban hành và hình thức của quyết định đúng quy định của Luật Khiếu nại.

- Về nội dung giải quyết tranh chấp:

Dựa trên kết quả xác minh hiện trạng khu đất tại biên bản làm việc ngày 03/11/2016 và lấy ý kiến xác minh của UBND phường T2 ngày 04/11/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã D xác định: Nguồn gốc phần đất tranh chấp 9.045,5m^2 nằm trong tổng diện tích đất 10.308,2m^2 đất thuộc thửa số 1453 do cha mẹ của bà Bùi Thị S và bà Bùi Thị R khai phá, sử dụng từ trước năm 1975. Sau khi cha mẹ mất, vợ chồng bà Bùi Thị S, ông Trần Văn L sử dụng phần lớn diện tích đất này để canh tác từ năm 1987, ổn định, liên tục. Một phần đất khoảng 1.500m^2 phía sau khu mộ do bà Bùi Thị R canh tác theo vụ mùa.

Tính đến thời điểm phát sinh tranh chấp, bà S và bà R đều chưa đăng ký kê khai và được cấp quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên. Bà S cung cấp các Giấy chứng nhận đăng ký ruộng đất số 03/82/ĐKRĐ ngày 09/8/1985 và xác định mình có tên trong sổ mục kê tại các thửa 2203, 4192, 4199. Tuy nhiên diện tích đất 9.045,5m^2 đang tranh chấp không nằm trong các thửa đất nêu trên.

Do các bên sử dụng ổn định, liên tục nhưng không có giấy chứng nhận hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 nên Chủ tịch UBND thị xã D giải quyết khiếu nại, công nhận cho các bên quyền sử dụng theo diện tích đất thực tế các bên đang sử dụng là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Ch kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ch (người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị S). Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2017/HC-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Điều 30, 32, khoản 2 Điều 79, 116,134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính; Điều 31 Luật Khiếu nại; Điều 100, khoản 2 và khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã D về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị R đối với bà Bùi Thị S (đất tọa lạc tại khu phố T 1, phường T2, thị xã D, tỉnh Bình Dương).

Án phí: Bà Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0010722 ngày 31/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bà Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010819 ngày 24/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu VP (3), HS (2). (13b).TPQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy